

Hiệu trưởng duyệt

Mẫu đề thi đáp ứng chuẩn đầu ra học phần (CLO) và phục vụ đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI

(Phần dành cho giảng viên khi thiết kế đề thi và các cán bộ quản lý đào tạo)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

ĐỀ THI CUỐI KỲ
HỌC PHẦN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
Học kỳ 1, Năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Học phần: Ngân hàng thương mại	Số tín chỉ: 03
Mã học phần: 71FINC30023	Mã nhóm lớp học phần: 231_71FINC30023_01
Thời gian làm bài: 60 phút	Hình thức thi: Trắc nghiệm + Tự luận
SV được tham khảo tài liệu:	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
Giảng viên nộp đề thi, đáp án	Lần 1 <input checked="" type="checkbox"/> Lần 2 <input type="checkbox"/>

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Phân biệt được các quy định cơ chế hoạt động và các loại hình sản phẩm, dịch vụ của ngân hàng thương mại.	Trắc nghiệm	48%	Câu 1 đến câu 15	4,8	PLO3.I
CLO 2	Sử dụng hồ sơ phù hợp khi thực hiện giao dịch tại ngân hàng	Tự luận	20%	Câu 26	2	PLO3.R
CLO 3	Vận dụng kiến thức tài chính và công nghệ để xử lý các nghiệp vụ ngân hàng	Trắc nghiệm	32%	Câu 16 đến câu 25	3,2	PLO4.I

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1).

(2) *Nêu nội dung của CLO tương ứng.*

(3) *Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.*

(4) *Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).*

(5) *Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.*

(6) *Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.*

(7) *Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.*

(Phần công bố cho sinh viên)

I. Thông tin chung

Học phần: Ngân hàng thương mại	Số tín chỉ: 03
Mã học phần: 71FINC30023	Mã nhóm lớp học phần: 231_71FINC30023_01
Thời gian làm bài: 60 phút	Hình thức thi: Trắc nghiệm + Tự luận
SV được tham khảo tài liệu:	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
Giảng viên nộp đề thi, đáp án	Lần 1 <input checked="" type="checkbox"/> Lần 2 <input checked="" type="checkbox"/>

II. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (8 điểm, mỗi câu đúng được 0,32đ)

Câu 1: Dựa vào tính chất hoạt động, các NHTM ở Việt Nam hiện nay thuộc loại hình nào?

- A. Ngân hàng kinh doanh tổng hợp.
- B. Ngân hàng chuyên doanh.
- C. Ngân hàng đa cấp.
- D. Tất cả đáp án đều sai.

ANSWER: A

Câu 2: Phát biểu nào sau đây là phát biểu SAI về vốn huy động của ngân hàng thương mại?

- A. Nguồn vốn chiếm tỷ trọng nhỏ nhất trong tổng nguồn vốn của NHTM
- B. Nguồn vốn nợ của NHTM
- C. Nguồn vốn chủ yếu trong hoạt động kinh doanh của NHTM
- D. Nguồn vốn được huy động từ các tổ chức, cá nhân có nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi

ANSWER: A

Câu 3: Trong hệ thống ngân hàng hai cấp,..... chịu trách nhiệm phát hành tiền tệ, quản lý tiền tệ và tham mưu mọi chính sách liên quan đến tiền tệ cho Chính phủ Việt Nam.

- A. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- B. Ngân hàng Quốc doanh
- C. Ngân hàng thương mại
- D. Ngân hàng trung gian

ANSWER: A

Câu 4: Cấp tín dụng là việc ngân hàng thương mại thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả thông qua nghiệp vụ:

- A. Tất cả đáp án đều đúng
- B. Cho vay
- C. Chiết khấu, bao thanh toán
- D. Bảo lãnh ngân hàng, cho thuê tài chính

ANSWER: A

Câu 5: Ngân hàng nhà nước yêu cầu các NHTM phải tuân thủ tỷ lệ dự trữ bắt buộc nhằm mục đích gì?

- A. Cả hai đáp án đều đúng
- B. Đảm bảo các NHTM có khoản dự phòng để hạn chế rủi ro thanh khoản của ngân hàng
- C. Kiểm soát lượng tiền cung ứng ra thị trường góp phần ổn định tài chính tiền tệ của nền kinh tế
- D. Cả hai đáp án đều sai

ANSWER: A

Câu 6: Nghiệp vụ cấp tín dụng nào được ngân hàng tài trợ cho bên bán dưới hình thức mua lại các khoản phải thu?

- A. Nghiệp vụ bao thanh toán
- B. Nghiệp vụ cho vay
- C. Nghiệp vụ bảo lãnh
- D. Nghiệp vụ thấu chi

ANSWER: A

Câu 7: Hoạt động cấp tín dụng và cho vay khác nhau ở những điểm nào?

- A. Cho vay là một trong những hình thức cấp tín dụng
 - B. Cho vay có thu nợ và lãi trong khi cấp tín dụng không có thu nợ và lãi
 - C. Cho vay phải có tài sản thế chấp trong khi cấp tín dụng không cần có tài sản thế chấp
 - D. Cho vay là hoạt động của ngân hàng trong khi cấp tín dụng là hoạt động của các tổ chức tín dụng
- ANSWER: A

Câu 8: NHTM cho khách hàng doanh nghiệp vay ngắn hạn trong trường hợp nào?

- A. Doanh nghiệp có nhu cầu bổ sung nguồn vốn lưu động
- B. Doanh nghiệp có nhu cầu đầu tư dự án
- C. Doanh nghiệp có nhu cầu đầu tư mua sắm tài sản cố định phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- D. Tất cả đáp án đều đúng

ANSWER: A

Câu 9: Ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể cho những khoản vay có nợ quá hạn nhóm mấy?

- A. Từ nhóm 2 đến nhóm 5
- B. Từ nhóm 1 đến nhóm 5
- C. Từ nhóm 3 đến nhóm 5
- D. Nhóm 4 và nhóm 5

ANSWER: A

Câu 10: Cho vay tín chấp nghĩa là:

- A. Ngân hàng không yêu cầu người đi vay phải có tài sản đảm bảo cho khoản vay
- B. Ngân hàng dựa vào uy tín của người vay nhưng phải có tài sản đảm bảo.

- C. Ngân hàng chỉ dựa vào uy tín không quan tâm khả năng tài chính của người đi vay
- D. Ngân hàng chỉ dựa vào uy tín không quan tâm phương án kinh doanh của người đi vay.

ANSWER: A

Câu 11: Đây là điểm khác nhau giữa nghiệp vụ cho vay và nghiệp vụ bảo lãnh?

- A. Bảo lãnh là nghiệp vụ ngoại bảng, trong khi cho vay là nghiệp vụ nội bảng
- B. Bảo lãnh là hoạt động cho vay không bằng tiền
- C. Bảo lãnh là công cụ tài trợ có bảo đảm, trong khi cho vay chỉ là công cụ tài trợ.
- D. Không có câu trả lời nào đúng.

ANSWER: A

Câu 12: Đây là phát biểu đúng về Bao thanh toán có quyền truy đòi?

- A. Là loại hình bao thanh toán, theo đó đơn vị bao thanh toán có quyền đòi lại số tiền đã ứng trước cho bên bán hàng khi bên mua hàng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ thanh toán.
- B. Là loại hình bao thanh toán, theo đó bên bán hàng có quyền truy đòi lại số tiền của đơn vị bao thanh toán.
- C. Là loại hình bao thanh toán, theo đó bên bán hàng có quyền đòi lại số tiền cho đơn vị bao thanh toán khi bên mua hàng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ thanh toán.
- D. Không có đáp án nào chính xác.

ANSWER: A

Câu 13: Trong các đặc điểm sau đặc điểm nào là thuộc về Nghiệp Vụ cho thuê Tài Chính?

- A. Tất cả đáp án trên đều đúng.
- B. Nghiệp vụ tài trợ tín dụng trung và dài hạn.
- C. Bên cho thuê tài trợ toàn bộ nhu cầu vốn của bên thuê.
- D. Bên đi thuê không cần có tài sản đảm bảo.

ANSWER: A

Câu 14: Cho vay theo hạn mức thấu chi là gì?

- A. Là phương thức cho vay mà NH chấp thuận cho khách hàng chi vượt số tiền có trên tài khoản thanh toán.
- B. Là phương thức cho vay mà NH chấp thuận cho khách hàng chi vượt số tiền có trên tài khoản tiền gửi tiết kiệm.
- C. Là phương thức cho vay mà NH chấp thuận cho khách hàng chi vượt số tiền có trên tài khoản tiền gửi có kỳ hạn.
- D. Không đáp án nào chính xác.

ANSWER: A

Câu 15: Một loại thẻ thanh toán cho phép chủ thẻ sử dụng một khoản tiền để thanh toán với hạn mức nhất định do công ty cấp thẻ đưa ra và thường yêu cầu một tỷ suất lợi nhuận khá cao đối với những khoản thanh toán không được trả đúng hạn. Đây là loại thẻ nào?

- A. Thẻ tín dụng - credit card.
- B. Thẻ ghi nợ - debit card.
- C. Thẻ thanh toán điện tử - e-payment card
- D. Thẻ mua hàng - charge card.

ANSWER: A

Câu 16: Khách hàng A đề nghị vay ngân hàng 950 triệu với các thông tin như sau:

- Mục đích vay: Mua xe mới 100%
- Giá trị xe: 1,2 tỷ đồng
- Tài sản đảm bảo: chiếc xe mới mua

Hãy cho biết ngân hàng phê duyệt số tiền vay tối đa là bao nhiêu, biết rằng ngân hàng yêu cầu khách hàng có 30% vốn đối ứng; ngân hàng tài trợ tối đa 75% giá trị tài sản đảm bảo đối với xe mới (giá sử khách hàng đáp ứng được điều kiện về tài chính trả nợ gốc và lãi)

- A. 840 triệu đồng
- B. 900 triệu đồng
- C. 950 triệu đồng
- D. 1,2 tỷ đồng

ANSWER: A

Câu 17: Trả nợ vay theo phương thức kỳ khoản tăng dần là phương pháp hoàn trả trong đó:

- A. Nợ gốc chia đều cho mỗi kỳ, lãi tính theo tổng nợ gốc đã hoàn trả trong kỳ
- B. Nợ gốc chia đều cho mỗi kỳ, lãi tính theo số dư nợ thực tế đầu kỳ.
- C. Nợ gốc trả tăng dần, lãi tính theo số tiền vay ban đầu.
- D. Không có câu nào đúng

ANSWER: A

Câu 18: Cách thức NHTM tính lãi tiền gửi thanh toán cho khách hàng là:

- A. Trả lãi vào định kì một ngày cụ thể hàng tháng, tự động ghi có vào tài khoản thanh toán của khách hàng
- B. Trả lãi khi khách hàng có giao dịch
- C. Trả lãi định kì hàng tháng hoặc hàng quý
- D. Trả lãi trực tiếp cho khách hàng khi có yêu cầu.

ANSWER: A

Câu 19: Hình thức cấp tín dụng nào NHTM yêu cầu khách hàng phải chuyển quyền sở hữu tài sản cho NHTM?

- A. Nghiệp vụ chiết khấu giấy tờ có giá
- B. Nghiệp vụ bảo lãnh
- C. Nghiệp vụ bao thanh toán
- D. Nghiệp vụ cho thuê tài chính

ANSWER: A

Câu 20: Công ty Thành Công có tài khoản tiền gửi thanh toán tại NHTM. Các nghiệp vụ phát sinh trong tài khoản tiền gửi thanh toán tháng 5/2022 của công ty Thành Công như sau:

Đơn vị tính: đồng

Ngày	Nghiệp vụ phát sinh	Số tiền
1/5/2022	Nhập lãi tiền gửi	2.380.000
12/5/2022	Nhờ thu được thực hiện	750.000.000
16/5/2022	Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu	180.000.000
25/5/2022	Thanh toán lương cho nhân viên	470.000.000

- Số dư cuối ngày 30/4/2022 của công ty Thành Công là 1.597.620.000 đồng.
- NHTM tính lãi vào ngày cuối cùng của tháng, vào cuối giờ giao dịch với lãi suất không kỳ hạn là 2,5%/năm. Số ngày quy ước một năm là 365 ngày.

Hãy tính lãi tiền gửi tháng 5/2022 cho công ty Thành Công?

- A. 4.002.055 đồng
- B. 3.885.616 đồng
- C. 4.250.218 đồng
- D. 3.987.652 đồng

ANSWER: A

Câu 21: Khách hàng A ký kết hợp đồng tín dụng với ngân hàng M với các nội dung sau:

Số tiền vay: 2.000.000.000 đồng

Thời gian vay: 2 năm

Lãi suất: 10%/năm

Phương thức trả nợ: Gốc và lãi trả định kỳ 6 tháng/lần theo phương thức kỳ khoản giảm dần

Tổng số tiền gốc và lãi khách hàng A phải thanh toán cho ngân hàng ở kỳ thứ 2 là bao nhiêu? Biết rằng cơ sở tính lãi dựa trên quy ước một năm có 365 ngày.

- A. 575.000.000 đồng
- B. 537.000.000 đồng
- C. 615.000.000 đồng
- D. 648.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 12: Một dự án đầu tư có tổng nhu cầu vốn là 15.000.000.000 đồng được ngân hàng chấp thuận tài trợ 60% nhu cầu vốn. Lãi suất áp dụng trong suốt thời hạn vay là 0,9%/tháng. Tiền vay được giải ngân thành 3 đợt:

DVT: đồng

Đợt	Ngày giải ngân	Số tiền giải ngân
1	07/6/2021	30%
2	10/8/2021	20%
3	15/10/2021	50%

Dự án hoàn thành và nghiệm thu đưa vào khai thác ngày 31/12/2021. Hợp đồng tín dụng quy định lãi vay thì công nhập vào vốn gốc, lãi vay thì công tính luôn ngày hoàn công, cơ sở tính lãi dựa trên quy ước một năm có 365 ngày.

Hãy tính lãi vay thì công của dự án?

- A. 346.724.384 đồng

- B. 320.735.826 đồng
- C. 301.863.726 đồng
- D. 367.725.476 đồng

ANSWER: A

Câu 23: NHTM A quy định ngày chốt sao kê thẻ tín dụng là ngày cuối cùng của tháng, ngày thu nợ là ngày 15 của tháng sau, khách hàng thanh toán sau ngày 15 sẽ chịu mức lãi vay là 2%/tháng. Nhân viên Ngân hàng tư vấn khách hàng sử dụng thẻ để thanh toán chi tiêu vào ngày nào có lợi nhất cho khách hàng?

- A. Ngày đầu tháng
- B. Ngày cuối tháng
- C. Ngày 15 hàng tháng
- D. Ngày 16 hàng tháng

ANSWER: A

Câu 24: Ngân hàng X bán cho công ty Minh Long 150 kỳ phiếu, các thông tin tờ kỳ phiếu như sau:

- Mệnh giá 1.000.000 đồng/kỳ phiếu
- Kỳ hạn 6 tháng
- Ngày phát hành: 1/2/2020
- Ngày đáo hạn: 1/8/2020
- Lãi suất 8,5%/năm, lãi trả hàng tháng vào đầu mỗi kỳ
- Cơ sở công bố lãi suất là 365 ngày

Tính số tiền công ty Minh Long nhận được vào ngày đáo hạn của các kỳ phiếu? Biết rằng Ngân hàng X tính lãi theo số ngày thực tế phát sinh.

- A. 150.000.000 đồng
- B. 151.082.877 đồng
- C. 151.130.269 đồng
- D. 151.047.945 đồng

ANSWER: A

Câu 25: Ngày 20/05/2020, một khách hàng mở sổ tiết kiệm với số tiền là 5 tỷ đồng tại ngân hàng AB; kỳ hạn 12 tháng, ngày đến hạn 20/5/2021, lãi suất 7,5%/năm – trả lãi cuối kỳ. Đến ngày 22/06/2021, khách hàng có nhu cầu sử dụng tiền và đề nghị ngân hàng tắt toán sổ tiết kiệm. Xác định số tiền khách hàng nhận được vào ngày 22/06/2021 là bao nhiêu? Biết rằng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn ngân hàng đang áp dụng là 0,2%/năm. Cơ sở tính lãi dựa trên quy ước một năm có 365 ngày.

- A. 5.375.971.918 đồng
- B. 5.376.999.501 đồng
- C. 5.408.904.109 đồng
- D. 5.375.942.465 đồng

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (2 điểm)

-Hãy nêu các hình thức bảo đảm tín dụng? (1 điểm)

- Nêu 4 vai trò quan trọng của tài sản đảm bảo trong hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại? (1 điểm)

Đáp án:

Các hình thức bảo đảm tín dụng:

- Thế chấp (0,2 đ)
- Cầm cố (0,2 đ)
- Bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba (0,2 đ)
- Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay (0,2 đ)
- Ký quỹ, ký cược (0,2 đ)

Vai trò của tài sản đảm bảo trong hoạt động cho vay của ngân hàng (sinh viên được 0,25đ khi nêu được một vai trò)

1) Tài sản đảm bảo tạo động lực kích thích người vay sử dụng vốn và hoàn trả nợ như cam kết: Người vay biết rằng nếu họ không trả nợ, họ có thể mất tài sản của mình, điều này kích thích họ sử dụng vốn một cách có trách nhiệm và hoàn trả nợ đúng hạn.

2) Ngăn chặn rủi ro đạo đức từ phía người vay: tài sản đảm bảo giúp ngân hàng đánh giá khả năng tài chính của người vay, ngăn chặn việc cho vay cho những người không có khả năng chi trả. Điều này giúp ngăn chặn rủi ro đạo đức từ việc người vay không trả nợ có ý định tiêu xài một cách không có trách nhiệm.

3) Ngân hàng chủ động theo dõi hoạt động tài chính của người vay, đảm bảo rằng họ có khả năng trả nợ và đang tuân thủ các điều khoản hợp đồng.

4) Tài sản đảm bảo giúp giảm thiểu rủi ro cho ngân hàng. Nếu người vay không trả nợ, ngân hàng có thể sử dụng tài sản đảm bảo để bù đắp cho số tiền vay khách hàng mất khả năng chi trả.

5) Hỗ trợ quy trình pháp lý: Trong trường hợp người vay không trả nợ, ngân hàng có cơ sở pháp lý theo quy định để thu hồi nợ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 11 năm 2023

NGƯỜI DUYỆT ĐỀ

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ

TS. MAI THỊ PHƯƠNG THÙY

THS. PHẠM THỊ NGỌC LAN